

Bản án số: 46/2020/HS-ST
Ngày 19-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **46/2020/QĐXXST-HS** ngày 05 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh năm: 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và chỗ ở hiện nay: Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (Đã chết) và Nguyễn Thị U, sinh năm: 1954; Gia đình bị cáo có 05 chị em; bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Chồng Tô Văn P, sinh năm 1978, bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

T án: Có 04 T án.

- Ngày 16/4/2014, Lê Thị T bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 29/2014/HSST.

- Ngày 19/6/2014, Lê Thị T bị Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 52/2014/HSST, tổng hợp hình phạt tù tại bản án số 29/2014/HSST ngày 16/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thành hình phạt chung 16 tháng tù.

- Ngày 26/3/2015, Lê Thị T bị Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 12/2015/HSST. Tổng hợp hình

phạt tại bản án số 52/2014/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thành hình phạt chung 28 tháng tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2017.

- Ngày 06/9/2017, Lê Thị T bị Tòa án nhân dân huyện Long Điền xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2020.

T sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 16/6/2010, T bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù nhưng được hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án 16/7/2020 theo bản án số 113/2010/HSST.

- Ngày 21/3/2013 bị Công an xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 21/5/2020(Có mặt).

- *Bị hại*: Bà Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 18/5/2020, Lê Thị T đi xe buýt từ thị trấn 1, huyện 1 đến thị trấn 1, huyện 2 với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. T đi bộ vào một con hẻm ở Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát hiện nhà bà Huỳnh Thị Ngọc Anh (sinh năm: 1962) không khóa cổng, cửa chính mở nên T lén vào trong nhà lục tìm tài sản. Tại phòng ngủ của bà A, T lục tìm tài sản phát hiện 20.000.000 đồng (gồm 40 tờ T có mệnh giá 500.000 đồng) trong hộc tủ đầu giường, 01 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu STARKE (mặt hình tròn, có dây đeo màu nâu) đặt trên bàn trong phòng ngủ. T lấy T và đồng hồ bỏ vào túi áo khoác của mình và đi ra ngoài theo hướng cũ. Cùng ngày bà A phát hiện mất tài sản nên trình báo Công an. Qua xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện 3 đã mời Lê Thị T về làm việc. Tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên. (BL 58 đến 71, 73 đến 75).

Khi về nhà T đưa 01 chiếc đồng hồ hiệu STARKE cho ông Lê Văn T (sinh năm: 1978 - anh trai của T) để sử dụng. Đối với số T 20.00.000 đồng, T sử dụng tiêu xài hết 11.000.000 đồng. Ngày 20/5/2020, T đã giao nộp lại cho Công an 9.000.000 đồng và 01 chiếc đồng hồ hiệu STARKE. Ngày 27/5/2020, T tiếp tục nộp thêm số T 11.000.000 đồng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện 3 để khắc phục hậu quả cho bị hại. (BL 61, 62, 78)

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 29/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 Đồng hồ đeo tay, hiệu STARKE (model:

SK012PM-PWS), mặt đồng hồ hình tròn, dây đeo màu nâu có giá trị còn lại là 600.000 đồng. (BL 15 đến 17).

* Xử lý đồ vật, tài liệu đã thu giữ và trách nhiệm dân sự:

Ngày 28/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện 3 đã trả lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc A số T 20.000.000 đồng và 01 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu STARKE. Hiện bà A không còn yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự. (BL 72, 76 - 77)

Quá trình điều tra, T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, T phạm tội trong thời gian đang mang thai. T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 31/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố sau khi tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; **điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50** Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Thị T **từ 36 đến 42 tháng tù**.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 13 giờ ngày 18/5/2020, tại nhà bà Huỳnh Thị Ngọc Anh thuộc Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu STARKE, (mặt hình tròn, có dây đeo màu nâu) trị giá 600.000 đồng và số T 20.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp được là 20.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét thấy, bị cáo là công dân đã trưởng thành, tuổi đời đã lớn, có đầy đủ sức khỏe nhưng bị cáo lại lười lao động, để có T tiêu xài bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là tảo bạo liều lĩnh, bị cáo có 04 T án, bị cáo mới ra tù tháng 01 năm 2020, nay lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhà nước, của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần tuyên một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, xét xử vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội **trong thời gian đang mang thai** nên xem xét áp dụng điểm **b, n, s khoản 1 Điều 51** Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, Lê Văn Trung đã nhận 01 chiếc đồng hồ hiệu STARKE hình tròn, dây đeo màu nâu từ bị cáo để sử dụng nhưng Trung không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm đối với Trung về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do đó, Viện kiểm sát không truy tố Lê Văn Trung là đúng quy định pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngày 28/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã trả lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc A số T 20.000.000 đồng và 01 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu STARKE, **Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã trả lại tài sản trên** cho bà A là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Lê Thị T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị T phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều: 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản

án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (**Ngày 19-8-2020**); đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA huyện Đất Đỏ;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

Châu Nguyễn Xuân Thu